

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 99/2018/HNGĐ - ST
Ngày 23 - 7 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Ngọc Gang

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018. Về vụ án tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 6 xã N, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nh - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm Bùi Chu xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 14/3/2018 cũng như lời khai của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Nh vào tháng 7/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa

Ph huyện N, tỉnh N. Sau kết hôn anh và chị Nh chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh và chị Nh luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không được cải thiện. Từ tháng 9/2015 đến nay anh và chị Nh sống ly thân nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không còn nên anh xin được ly hôn chị Nh. Về con chung và tài sản chung giữa anh và chị Nh không có nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Nguyễn Thị Nh vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết chị Nh có lời khai trình bày đúng như lời khai của anh Nguyễn Văn T khai về việc kết hôn giữa chị với anh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015, nguyên nhân là do anh T nghe mẹ đẻ không quan tâm đến chị, khi chị khuyên bảo anh T không nghe mà anh T còn cùng mẹ đẻ đuổi chị về nhà bố mẹ chị, cũng từ đó đến nay chị và anh T sống ly thân nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị thì chị nhất trí. Về con chung và tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn T không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung. Do điều kiện công việc bận chị không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Nh anh chị đều cư trú tại huyện N, tỉnh N. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị Nh và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Phía chị Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt chị Nh là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Nh được tổ chức kết hôn vào tháng 7/2014 là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ

các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh T và chị Nh chung sống hòa thuận được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau. Từ tháng 9/2015 đến nay anh T và chị Nh sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Nh đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay anh T xin ly hôn chị Nh và phía chị Nh cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Nh không có con chung và không yêu cầu xem xét giải quyết về con chung nên không đặt xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Nh không có tài sản chung và không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản chung nên không đặt xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Nh.

2- Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06275 ngày 03/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng chị Nh. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy

Ngô Ngọc Gang

Trần Xuân Dũng

